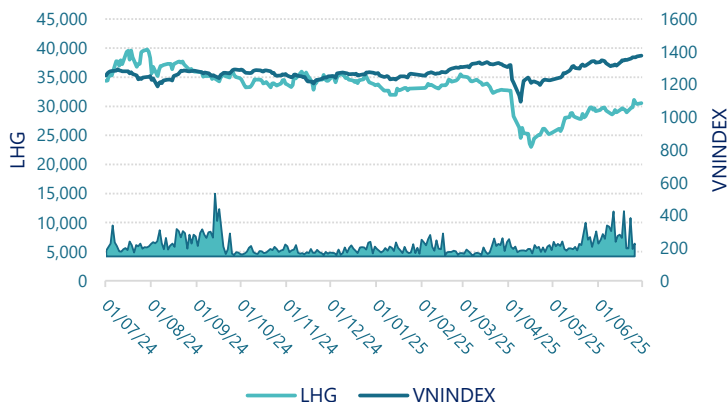




CTCP Long Hậu (HSX: LHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,765
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,007
SL cổ phiếu LH	50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	172,475
% sở hữu nước ngoài	8.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,613
P/E	5.6
EPS	5,736

DT thuần

Q2/25

223

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.0| -4.6%

YoY: ▲ 61.0| 37.8%

LN sau thuế

Q2/25

89.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.2| -18.4%

YoY: ▲ 24.4| 37.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

51.6%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

6T 2025

457

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 219| 91.9%

LN sau thuế

6T 2025

200

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103| 106%

ROE

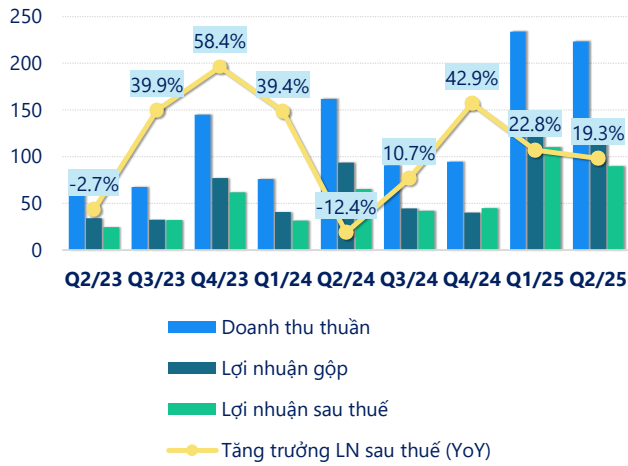
Q2/25

17.3%

+/- YoY: ▲ 4.8%

tỷ VNĐ

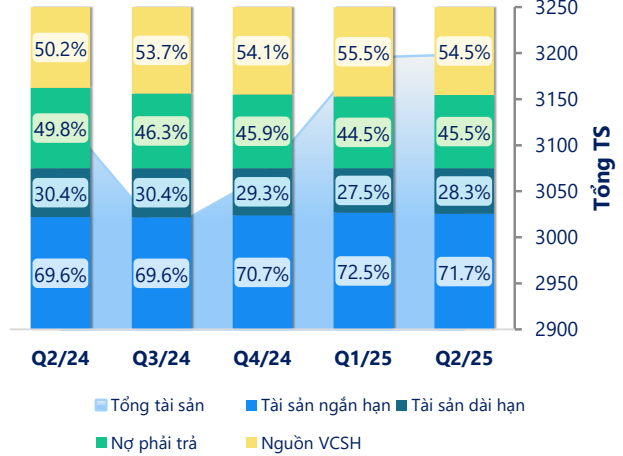
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

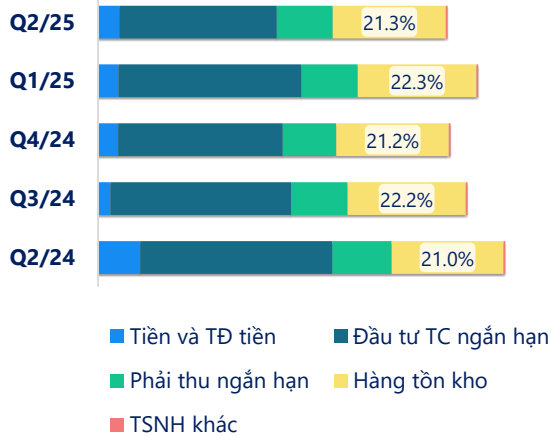
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



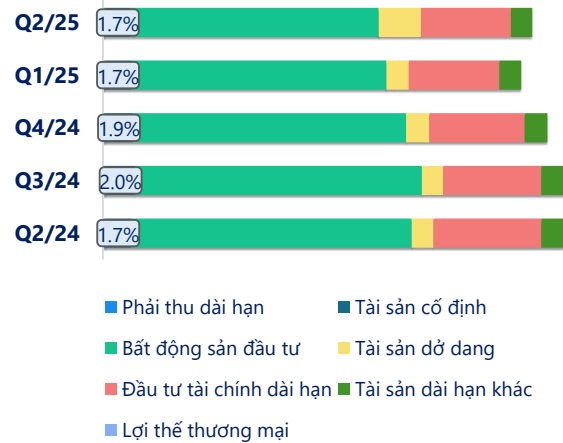
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

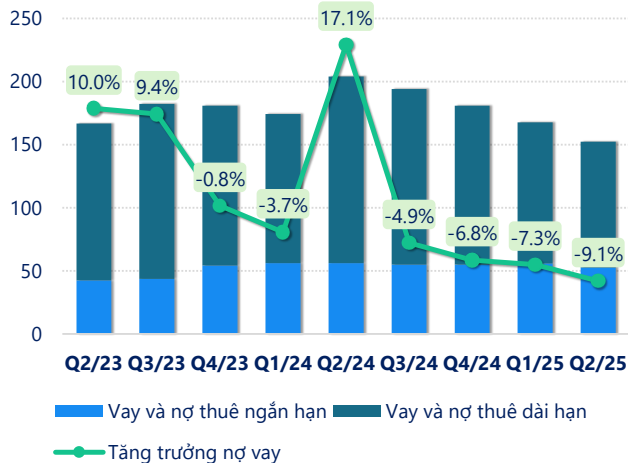
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

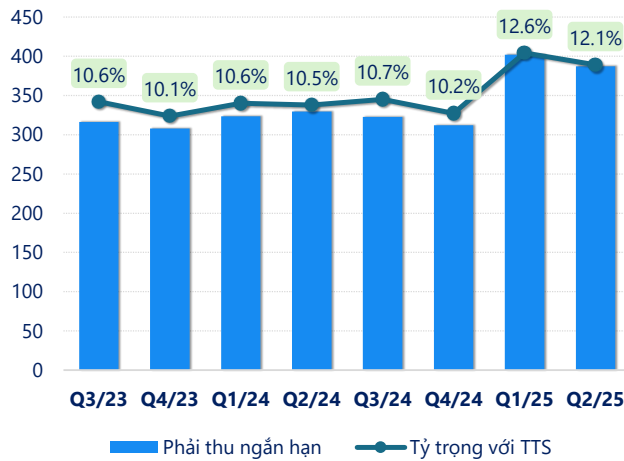
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



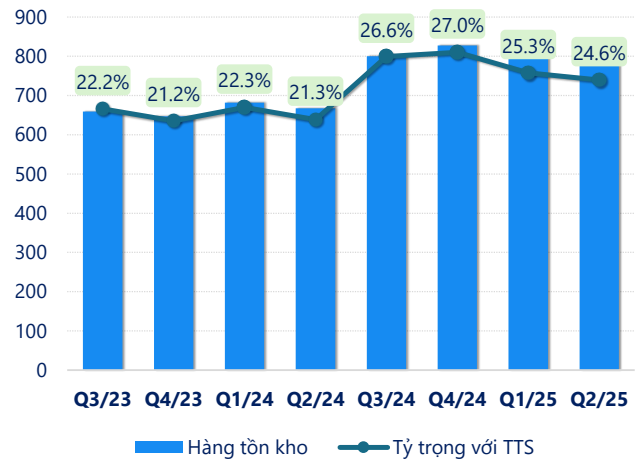
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


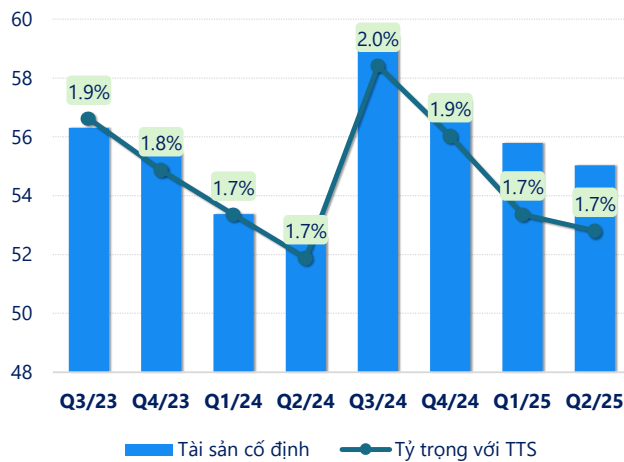
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


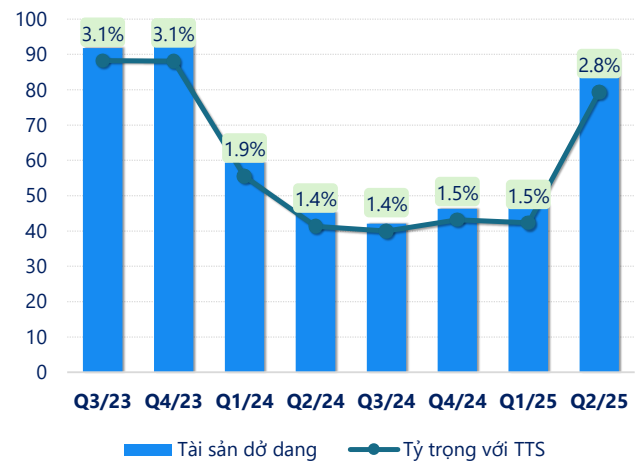
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

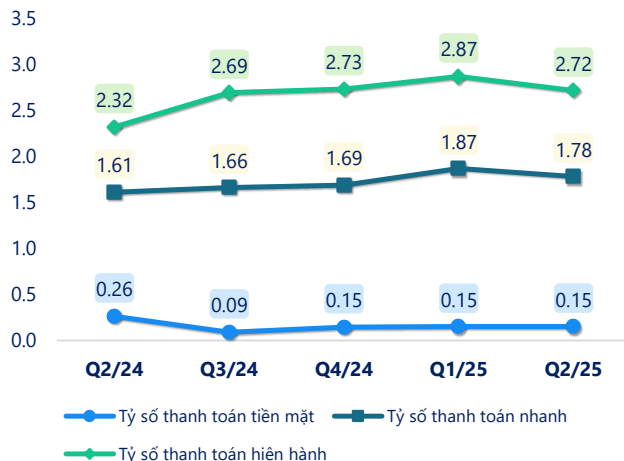
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

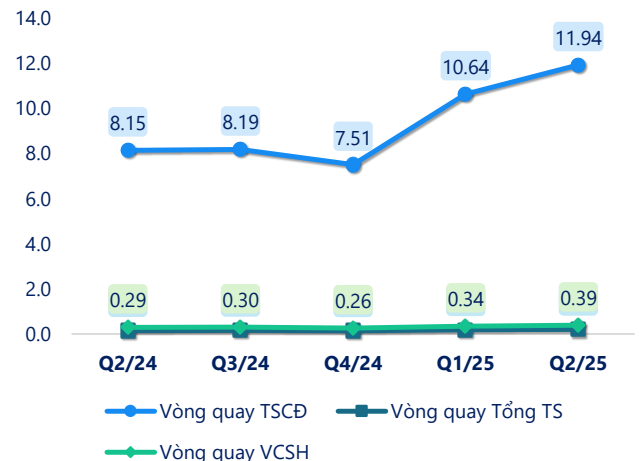
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,134	3,005	3,066	3,195	3,199
Tài sản ngắn hạn	2,182	2,090	2,168	2,316	2,295
Tiền và tương đương tiền	247	69.6	116	122	128
Đầu tư tài chính ngắn hạn	928	885	900	970	977
Phải thu ngắn hạn	329	323	312	402	387
Hàng tồn kho	667	800	828	807	788
Tài sản ngắn hạn khác	10.6	12.2	13.4	14.4	13.6
Tài sản dài hạn	951	914	897	880	904
Phải thu dài hạn	5.23	5.23	3.81	3.81	3.81
Tài sản cố định	52.6	59.4	57.3	55.8	55.0
Bất động sản đầu tư	579	566	551	536	522
Tài sản dở dang	45.3	42.1	46.3	47.3	88.9
Đầu tư tài chính dài hạn	222	194	192	190	189
Tài sản dài hạn khác	47.2	47.8	46.6	45.9	45.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,561	1,390	1,406	1,422	1,454
Nợ ngắn hạn	940	776	794	807	845
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.2	54.9	54.9	55.8	52.5
Phải trả người bán ngắn hạn	37.4	26.3	30.4	25.5	19.1
Nợ dài hạn	621	614	613	615	610
Vay và nợ thuê dài hạn	148	139	126	112	99.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,572	1,615	1,659	1,773	1,744
Vốn chủ sở hữu	1,572	1,615	1,659	1,773	1,744
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)